Ký bởi: Bộ Công Thương
Cơ quan: Bộ Công thương
Thời gian ký: 27.10.2025 14

BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI C[illegible]A VIỆT NAM
	Độc lập - Tự [illegible]p
Số: 3161/QĐ-BCT	*Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 26 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử dụng tài sản công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dự trữ quốc gia, luật xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 3696/QĐ-BCT ngày 29 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 và Quyết định 1245/QĐ-BCT ngày 6 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2025;

Căn cứ báo cáo kết quả rà soát kinh phí thực hiện nhiệm vụ 8 tháng cuối năm 2025 của các đơn vị thuộc Bộ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị hành chính, sự nghiệp thuộc Bộ Công Thương *(Phụ lục chi tiết kèm theo).*

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2025 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Tài chính (Vụ KTN, Vụ NSNN);
- Kho bạc Nhà nước;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- KBNN nơi đơn vị giao dịch;
- Hệ thống TABMIS;
- Cổng thông tin điện tử BCT;
- Lưu: VT, KHTC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phan Thị Thắng

BỘ CÔNG THƯƠNG

PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO

(kèm theo Công văn số: 3161 /BCT - KHTC ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Mã đơn vị sử dụng ngân sách	Mã số KBNN	Kinh phí NSNN			
					KP giao tại QĐ3696/QĐ-BCT ngày 31/12/2024 và QĐ số 1245/QĐ-BCT ngày 6/5/2025 (KP giao tự chủ và không tự chủ)	Điều chỉnh giảm (-) (KP giao tự chủ và không tự chủ)	Điều chỉnh tăng (+) (KP giao tự chủ và không tự chủ)	KP sau khi điều chỉnh (KP giao tự chủ và không tự chủ)
	TỔNG CỘNG				**307.301**	**17.376**	**17.376**	**307.301**
C	**Kinh phí theo nghị định 81/2021/NĐ-CP**				**226.087**	**4.309**	**13.309**	**235.087**
I	**Loại 070 khoản 081: Giáo dục Đại học**				**0**	**0**	**0**	**0**
II	**Loại 070 khoản 093: Giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng**				**226.087**	**4.309**	**13.309**	**235.087**
1	Trường Cao đẳng Công Thương TP HCM	PGD số 1 - KBNN KV II	1054138	0136	24.718	0	2.216	26.934
2	Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại	KBNN Khu vực VII	1054146	2261	36.738	0	2.157	38.895
3	Trường Cao đẳng CN Việt Đức	KBNN Khu vực VII	1054147	2261	19.779	4.309	0	15.470
4	Trường Cao đẳng CN Thái Nguyên	KBNN Khu vực VII - Phòng Kế toán Nhà nước	1054184	2261	14.457	0	374	14.831
5	Trường Cao đẳng CN Thực phẩm (V.Trì)	KBNN KV VIII	1054144	1261	35.630	0	2.622	38.252
6	Trường Cao đẳng CN Hưng Yên	PGD số 2 - KBNN KV IV	1054143	0412	37.533	0	1.000	38.533
7	Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghiệp	KBNN Khu vực VI	1054097	1161	41.955	0	2.000	43.955
8	Trường Cao đẳng Công Thương Phú Thọ	PGD số 1 - KBNN KV VIII	1058722	1262	15.277	0	2.940	18.217
C	**Kinh phí thực hiện Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg**				**76.824**	**11.867**	**2.867**	**67.824**
I	**Loại 070 khoản 081: Giáo dục Đại học**				**0**	**0**	**0**	**0**
II	**Loại 070 khoản 093: Giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng**				**76.824**	**11.867**	**2.867**	**67.824**

TT	Nội dung	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Mã đơn vị sử dụng ngân sách	Mã số KBNN	Kinh phí NSNN			
					KP giao tại QĐ3696/QĐ-BCT ngày 31/12/2024 và QĐ số 1245/QĐ-BCT ngày 6/5/2025 (KP giao tự chủ và không tự chủ)	Điều chỉnh giảm (-) (KP giao tự chủ và không tự chủ)	Điều chỉnh tăng (+) (KP giao tự chủ và không tự chủ)	KP sau khi điều chỉnh (KP giao tự chủ và không tự chủ)
1	Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại	KBNN Khu vực VII	1054146	2261	934	239	0	695
2	Trường Cao đẳng Công Thương Miền Trung	PGD số 15 - KBNN KV XIV	1054211	2978	0	0	55	55
3	Trường Cao đẳng CN Huế	Phòng nghiệp vụ 2 - KBNN KV XIII - Huế	1054182	1611	2.576	1.680	0	896
4	Trường Cao đẳng CN Việt Đức	KBNN Khu vực VII	1054147	2261	340	110	0	230
5	Trường Cao đẳng Công nghệ và K tế CN	PGD số 1 - KBNN KV VII	1054098	2267	29.773	8.470	0	21.303
6	Trường Cao đẳng CN và TM (Phúc Yên)	PGD số 8 - KBNN KV VIII	1054183	1276	139	78	0	61
7	Trường Cao đẳng CN Thái Nguyên	KBNN Khu vực VII - Phòng Kế toán Nhà nước	1054184	2261	9.078	930	0	8.148
8	Trường Cao đẳng CN Thực phẩm (V.Trì)	KBNN KV VIII	1054144	1261	1.200		1.125	2.325
9	Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghiệp	KBNN Khu vực VI	1054097	1161	1.865	360	0	1.505
10	Trường Cao đẳng TM và DL	KBNN Khu vực VII	1055487	2261	30.919		1.687	32.606
G	**Kinh phí đào tạo bồi dưỡng - Sự nghiệp đào tạo - Loại 070 khoản 085**				**4.390**	**1.200**	**1.200**	**4.390**
1	Văn phòng Bộ	KBNN Khu vực I	1053956	0011	4.390	1.200	0	3.190
2	Viện Nghiên cứu Chiến lược, chính sách Công thương	KBNN Khu vực I	1054054	0011	0	0	1.150	1.150
3	Báo công Thương	PGD số 3 - KBNN KV I	1022389	0013	0	0	50	50
	TỔNG CỘNG				**307.301**	**17.376**	**17.376**	**307.301**

Ghi chú:

- Điều chỉnh kinh phí theo Quyết định số 1245/QĐ-BCT ngày 6/5/2025 về việc điều chỉnh Quyết định số 3696/QĐ-BCT ngày 21/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc giao dự toán năm 2025 nguồn sự nghiệp giáo dục - đào tạo.

BỘ CÔNG THƯƠNG

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

(kèm theo Quyết định số: 3161 /QĐ-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

ĐVT triệu đồng

TT	Nội dung	Mã NS đơn vị sử dụng	Mã KBNN	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Loại khoản	Nguồn KP	NSNN 2025 (không tự chủ)		Ghi chú
							Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)	
	TỔNG CỘNG						**150**	**150**	
1	**Đề án nâng cao hiệu quả và năng lực thực thi pháp luật liên quan đến xử lý vi phạm hành chính của ngành Công Thương giai đoạn 2025-2030**						**150**	**150**	**1823/QĐ-BCT ngày 26/6/25**
	Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước	1.055.483	0011	KBNN Khu vực I	340-341	12	135		
	Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước	1.055.483	0011	KBNN Khu vực I	340-341	28	15		
	Văn phòng Bộ Công Thương	1.053.956	0011	KBNN Khu vực I	340-341	12		135	
	Văn phòng Bộ Công Thương	1.053.956	0011	KBNN Khu vực I	340-341	28		15	
2	**Kinh phí không tự chủ, bao gồm: Đoàn ra, Đoàn vào, Niên liễm, Kinh phí thực hiện tinh giản biên chế, Hội nghị hội thảo trong nước, Kinh phí hoạt động trong nước của Thương vụ và Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn …**						**9.000**	**9.000**	**QĐ 2776/QĐ-BCT ngày 08/10/25**
	Ban chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế	1052026	0011	KBNN Khu vực I	340-341	12	9.000		
	Văn phòng Bộ Công Thương	1053956	0011	KBNN Khu vực I	340-341	12		9.000	CV 1745/VP-KTTC
	Tổng cộng:						**9.150**	**9.150**	

BỘ CÔNG THƯƠNG

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN GIAO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
GIỮA CÁC ĐƠN VỊ THUỘC BỘ ĐỐI VỚI LĨNH VỰC SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH

(Kèm theo Quyết định số 3161 /QĐ-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Đơn vị tính : Triệu đồng

TT	Nội dung	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Mã số KBNN	Mã số đơn vị sử dụng NS	Kinh phí ngân sách nhà nước năm 2025			
					Kinh phí giao tại QĐ số 1245/QĐ-BCT ngày 06/5/2025 của Bộ Công Thương	Điều chỉnh kinh		Dự toán sau điều chỉnh
						Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)	
A	B	C	D	E	1	2	3	4
	Điều chỉnh dự toán giao kinh phí sự nghiệp y tế dân số và gia đình giữa các đơn vị thuộc Bộ (Loại 130 - Khoản 139) theo Quyết định điều chỉnh số 2691/QĐ-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Bộ Công Thương							
1	Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến Công				109	109	-	-
	Điều chỉnh kinh phí đã giao cho Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến Công tại QĐ số 1245/QĐ-BCT ngày 06/5/2025 của Bộ Công Thương theo QĐ giao nhiệm vụ số 1001/QĐ-BCT ngày 11/4/2025 của Bộ Công Thương về việc giao thực hiện hoạt động năm 2025 nguồn sự nghiệp y tế, dân số và gia đình thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm sang cho Vụ Khoa học và Công nghệ trước khi thực hiện sáp nhập sắp xếp tinh gọn bộ máy theo NĐ 40/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2025 của Chính phủ (Văn phòng Bộ) theo QĐ điều chỉnh giao nhiệm vụ số 2691/QĐ-BCT ngày 30/9/2025 của Bộ Công Thương để thực hiện kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm	*Phòng giao dịch số 3- Kho bạc nhà nước Khu vực I*	*0013*	*1131521*	*109*	*109*		-
2	Văn phòng Bộ Công Thương				-	-	109	109

	Điều chỉnh tiếp nhận kinh phí từ Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến Công sang cho Vụ Khoa học và Công nghệ (trước khi thực hiện sáp nhập sắp xếp tinh gọn bộ máy theo NĐ 40/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2025 của Chính phủ) theo QĐ điều chỉnh tại QĐ số 2691/QĐ-BCT ngày 30/9/2025 của Bộ Công Thương về việc Mục 1 Phụ lục để thực hiện kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm	*Kho bạc nhà nước khu vực I*	*0011*	*1053956*	*-*	*-*	*109*	*109*
	Tổng cộng				**109**	**109**	**109**	**109**

Ghi chú:

- Điều chỉnh kinh phí theo Quyết định số 2691/QĐ-BCT ngày 30/9/2025 của Bộ Công Thương về việc điều chỉnh Mục 1 Phụ lục kèm theo Quyết định số 1001/QĐ-BCT ngày 11/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc giao thực hiện hoạt động năm 2025 nguồn sự nghiệp y tế, dân số và gia đình để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm./.